

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 6 - 2020.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông La Văn Việt
2. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1204/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn M, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 18 tháng 9 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Phạm Văn M trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Bé H chung sống với nhau vào năm 1980, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2017. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến tháng 5 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, bà Bé H ghen tuông vô cớ và dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm ông, dù đã được gia đình hai bên khuyên nhủ đoàn tụ nhưng vẫn không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vào tháng 02 năm 2019, ông bà đã ly thân

từ năm 2016 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé H.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Hùng A, sinh ngày 29/9/1982, Phạm Nguyễn Phương A, sinh ngày 26/02/1983 và Phạm Nguyễn Văn A, sinh ngày 03/11/1986. Các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ông M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng bà Bé H vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Phạm Văn M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé H, bà Bé H hiện thường trú tại ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (được Công an xã T xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà Bé H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2017 nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, ông M cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, bà Bé H ghen tuông vô cớ dù đã được gia đình hai bên khuyên nhủ đoàn tụ nhưng vẫn không thành, ông bà ly thân từ năm 2016 đến nay. Mâu thuẫn giữa ông bà cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Đối với bà Nguyễn Thị Bé H, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của ông M nhưng bà Bé H không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Tại phiên tòa, bà Bé H vẫn vắng mặt, chứng tỏ bà không có thiện chí để hàn gắn trong khi thời gian ly thân đã lâu. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của ông bà không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của

ông M đối với bà Bé H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Quá trình chung sống, ông M và bà Bé H có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Hùng A, sinh ngày 29/9/1982, Phạm Nguyễn Phương A, sinh ngày 26/02/1983 và Phạm Nguyễn Vân A, sinh ngày 03/11/1986. Các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Ông M trình bày đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà Bé H không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Ông M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà Bé H không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Ông M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M đối với bà Nguyễn Thị Bé H về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bé H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông M và bà Bé H có 03 con chung tên Phạm Nguyễn Hùng A, sinh ngày 29/9/1982, Phạm Nguyễn Phương A, sinh ngày 26/02/1983 và Phạm Nguyễn Vân A, sinh ngày 03/11/1986. Các con chung đều đã trưởng thành.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003896 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *UBND xã T;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Kim Thanh**